

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA LỊCH SỬ**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ**

*(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7140218

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	3
DANH SÁCH BẢNG.....	4
DANH SÁCH HÌNH.....	4
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	5
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	9
2.1. Thông tin chung	9
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	9
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	10
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	12
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	12
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	12
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	13
2.8. Đối sánh chương trình đào tạo	16
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	28
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	29
3.4. Kế hoạch giảng dạy	31
3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học.....	32
3.6. Ma trận kỹ năng	33
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	34
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	38
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	55
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	56
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CĐR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN.....	58

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	10
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....	13
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT	13
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT	29
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	29
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH.....	31
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần.....	58

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh.....	6
Hình 1.2. Cơ cấu tổ chức Trường Sư phạm Vinh.....	8

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1. Trường Đại học Vinh

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục lần thứ 2 vào năm 2017.

Trải qua 62 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1979), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1995), Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2001), Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm 2007), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (năm 2019) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

- **Tầm nhìn:** Đến năm 2030, Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á.

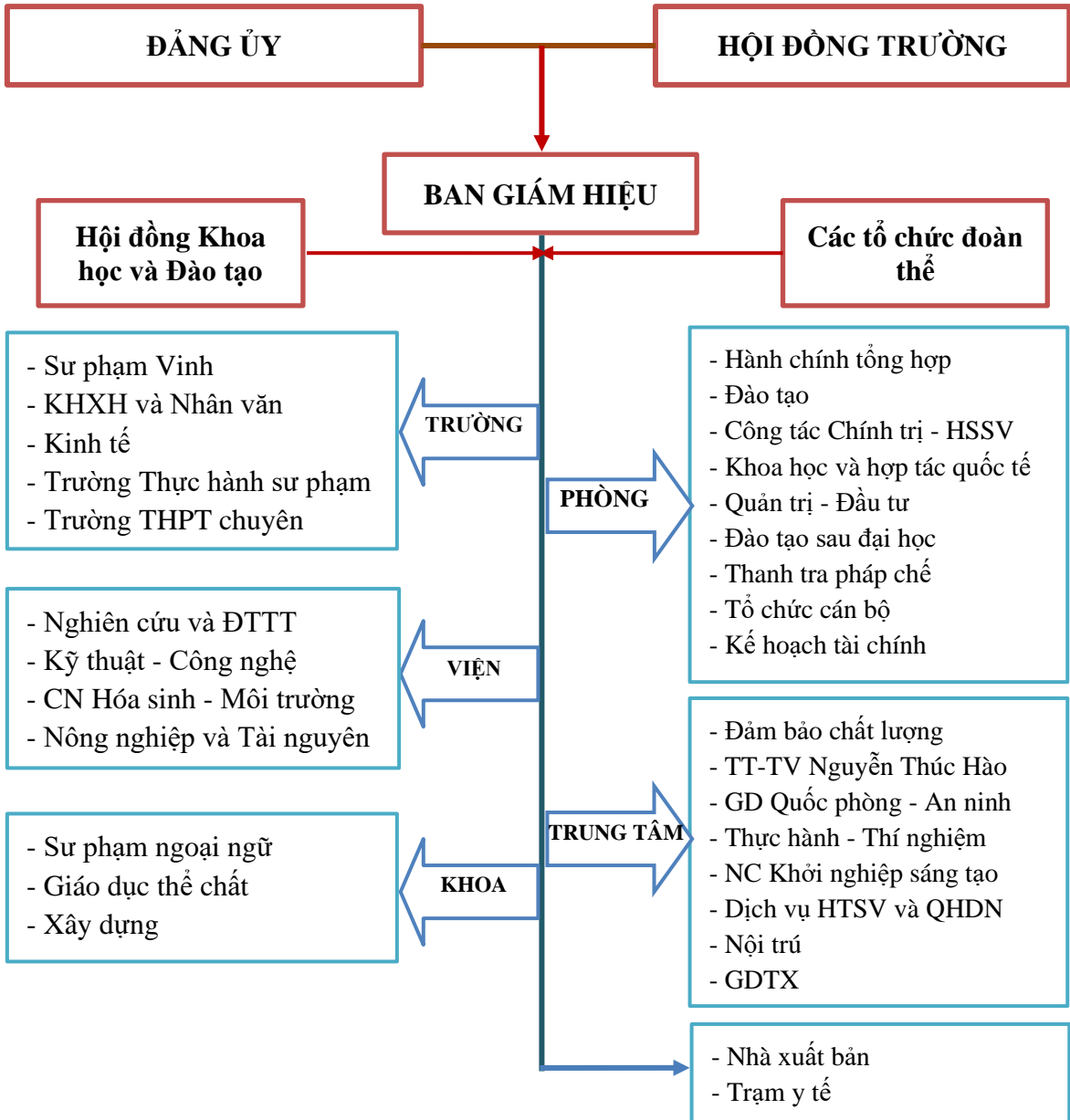
- **Mục tiêu tổng quát:** Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực (honesty), trách nhiệm (accountability), say mê (passion), sáng tạo (creativity), hợp tác (collabration).

- **Triết lý giáo dục:** HỢP TÁC (collabration), SÁNG TẠO (creativity) - với ý nghĩa được thể hiện như sau:

HỢP TÁC	<ol style="list-style-type: none">1) Trường Đại học Vinh xác định HỢP TÁC trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. HỢP TÁC là sự tôn trọng khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. HỢP TÁC là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan.2) Trường Đại học Vinh tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác.
SÁNG TẠO	<ol style="list-style-type: none">1) Trường Đại học Vinh xem SÁNG TẠO là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc

	<p>sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. SÁNG TẠO là tạo ra những tri thức và giá trị mới. SÁNG TẠO là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến.</p> <p>2) Trường Đại học Vinh đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "<i>Hình thành ý tưởng – Thiết kế – Triển khai – Vận hành</i>" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.</p>
--	--



Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- **Cơ cấu tổ chức:** Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh được mô tả như Hình 1.1. Hiện nay, Trường đào tạo 55 ngành trình độ đại học, 37 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 17 chuyên ngành trình độ tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học

mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

- **Đội ngũ cán bộ:** Trường Đại học Vinh hiện có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 731 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Cùng với hoạt động đào tạo, đội ngũ giảng viên luôn chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp, trong năm 2020 đội ngũ cán bộ của Trường đã công bố trên 150 bài báo thuộc danh mục Web of Science và Scopus. Trường Đại học Vinh luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

1.2. Trường Sư phạm Vinh

Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế tri thức đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Để đáp ứng yêu cầu này, nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học nói riêng, không những phải mở rộng quy mô mà còn phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Để thực hiện nhiệm vụ này, từ năm 2017, Trường Đại học Vinh bắt đầu triển khai đề án tái cấu trúc Trường, sắp xếp lại các khoa và các ngành nghề đào tạo trên cơ sở phân tích các tiềm năng, thế mạnh và thách thức. Ngày 09/10/2021, Hội đồng trường Trường Đại học Vinh đã công bố Nghị quyết của Hội đồng trường thành lập Trường Sư phạm Vinh thuộc Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập, tổ chức lại các đơn vị: Viện Sư phạm Tự nhiên, Viện Sư phạm Xã hội, Khoa Giáo dục và Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Trường Sư phạm bao gồm các khoa đào tạo: Khoa Toán, Khoa Vật lý, Khoa Hóa học, Khoa Sinh học, Khoa Tin học, Khoa Ngữ văn, Khoa Lịch sử, Khoa Địa lý, Khoa Giáo dục Chính trị, Khoa Giáo dục Mầm non, Khoa Giáo dục Tiểu học, Khoa Tâm lý - Giáo dục. Trường có 1 trung tâm là Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm.

1.2.1. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- **Cơ cấu tổ chức:** Cơ cấu tổ chức của Trường Sư phạm được mô tả như Hình 1.2, bao gồm Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng); Hội đồng Khoa học và Đào tạo; các Khoa đào tạo; Trung tâm BD NVSP, Tổ Hành chính - Văn phòng; Trường có tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội (*Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên*) được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Đảng và điều lệ của các tổ chức.

- **Đội ngũ cán bộ:** Trường Sư phạm hiện có 171 cán bộ trong đó có 158 cán bộ giảng dạy và 13 cán bộ hành chính. Về trình độ, Trường có 02 GS, 25 phó giáo sư, 79 tiến sĩ và 51 thạc sĩ.

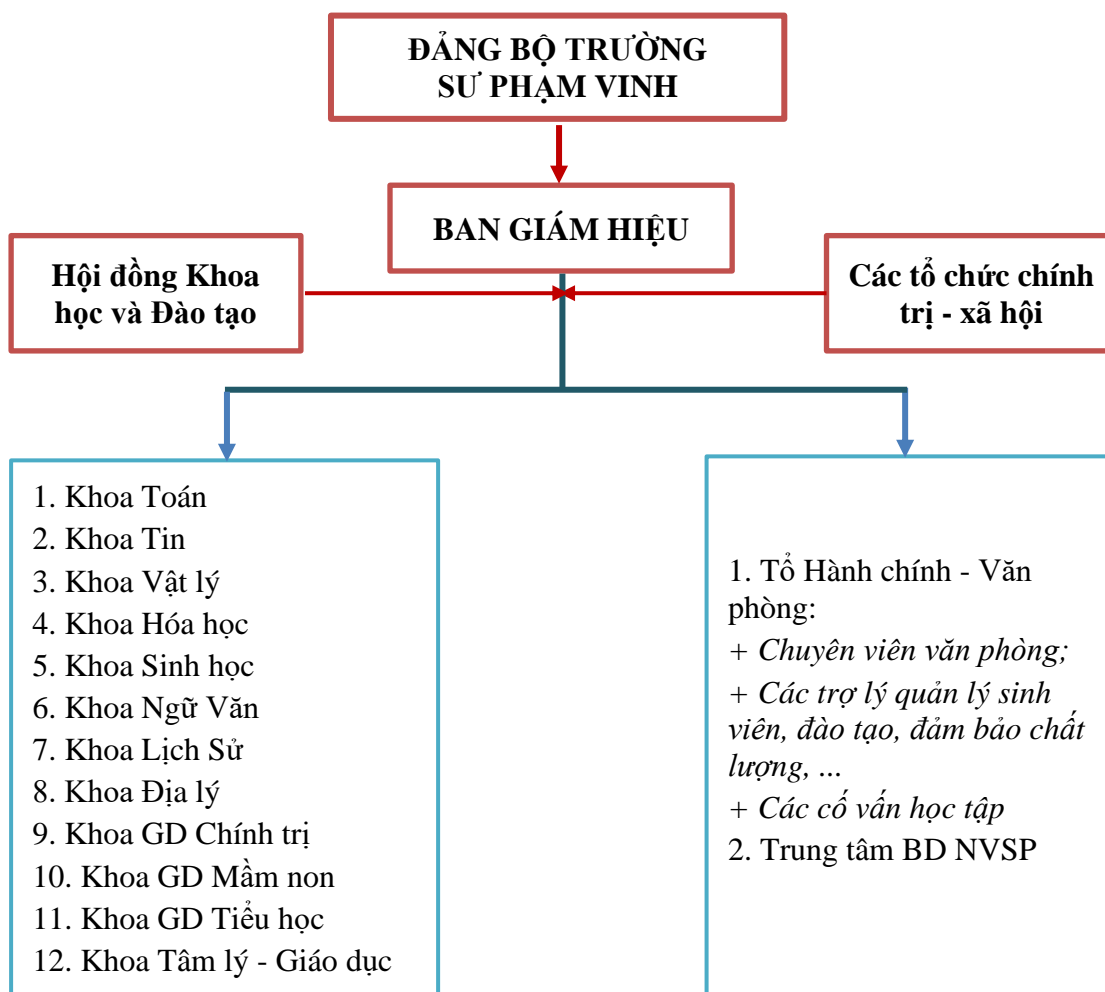
1.2.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát

- **Sứ mạng:** Trường Sư phạm Vinh, Trường Đại học Vinh, là đơn vị giáo dục đại học đào tạo giáo viên chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

- **Tầm nhìn đến năm 2030:** Trường Sư phạm Vinh trở thành Trường Đại học Sư phạm Vinh trực thuộc Đại học Vinh.

- **Mục tiêu tổng quát:** Mục tiêu giáo dục của Trường Sư phạm Vinh là đào tạo, bồi dưỡng nguồn giáo viên và cán bộ khoa học có chất lượng cao; thực hiện các nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục phục vụ sự nghiệp đổi mới giáo dục - đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn giáo dục đặt ra; tự thích

ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đủ đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế.



Hình 1.2. Cơ cấu tổ chức Trường Sư phạm Vinh

1.3. Khoa Lịch sử

Khoa Lịch sử ra đời năm 1969. Trong 53 năm qua, khoa Lịch sử đã đào tạo hơn 18000 cử nhân SPLS và 6000 cử nhân khoa học Lịch sử; hơn 900 thạc sĩ Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử; 50 tiến sĩ Lịch sử Việt Nam và Lịch sử thế giới. Đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước phù hợp với với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước. Hiện nay, Khoa đang đào tạo 43 SV ngành SPLS, 33 học viên cao học của chuyên ngành Lịch sử thế giới và Lịch sử Việt Nam, 9 NCS của chuyên ngành Lịch sử thế giới và Lịch sử Việt Nam.

Bên cạnh đó, Khoa còn đảm nhận công tác bồi dưỡng giáo viên, NCKH trong lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, hợp tác quốc tế và các hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển kinh tế- xã hội cho địa phương và trong cả nước. Khoa/Viện đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp Trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Lịch sử đã xây dựng, định kì rà soát

mục tiêu, chuẩn đầu ra (CDR) cho ngành SPLS. Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. Hiện nay, sau một chu trình đào tạo, khoa đã tổng kết, phân tích những thành công và hạn chế, từ đó đưa ra những phương hướng cụ thể cho đợt rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo bắt đầu áp dụng từ khoá đào tạo thứ 62 của nhà trường.

Chương trình khoá 62 được xây dựng và hoàn thiện dựa trên kết quả thực hiện sau một chu trình đào tạo theo tiếp cận CDIO từ khoá 58, khảo sát các bên liên quan và đối sánh với các chương trình trong nước và nước ngoài.

Để học tốt chương trình đào tạo này, sinh viên cần học tập theo các phương thức chủ yếu bao gồm: học tập chủ động, tích cực, học tập thông qua tương tác và học tập trải nghiệm. Cụ thể, sinh viên cần: Xây dựng kế hoạch học tập, học qua Hệ thống E-learning, Sử dụng hệ thống LMS, tăng cường khai thác các nguồn học liệu, tăng cường tương tác giữa giảng viên – sinh viên, giữa các sinh viên với nhau, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo trong toàn bộ quá trình học.

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Sư phạm Lịch sử (History Teacher Education)
2.	Mã số ngành đào tạo:	7140218
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm Lịch sử
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Lịch sử - Trường Sư phạm
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy - Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	4
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	10/9/2021
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	1

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử sau khi tốt nghiệp có hiểu biết nền tảng về khoa học xã hội, kiến thức sâu rộng về Lịch sử, có năng lực tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; có khả năng nghiên cứu đổi mới, sáng tạo để phát triển bản thân, đáp ứng được yêu cầu hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

PO1. Áp dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu thuộc ngành Lịch sử vào các hoạt động dạy học và giáo dục.

PO2:	Vận dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào hoạt động giáo dục, dạy học Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.
PO3:	Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp.
PO4:	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển chương trình môn Lịch sử, nghiên cứu khoa học chuyên ngành đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của bối cảnh nghề nghiệp

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sinh viên tại thời điểm tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Lịch sử có khả năng:

CDR	Mô tả Chuẩn đầu ra
PLO1.1.	Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào các hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu Lịch sử
PLO1.2.	Áp dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học Lịch sử và kiến thức liên ngành trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục ở phổ thông, các công việc có ứng dụng khoa học chuyên ngành.
PLO1.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về khoa học giáo dục và dạy học Lịch sử vào hoạt động nghề nghiệp
PLO2.1.	Áp dụng các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO2.2.	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông
PLO3.1.	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu và giáo dục, dạy học Lịch sử
PLO3.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học Lịch sử
PLO4.1.	Phân tích bối cảnh xã hội, nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Lịch sử
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển chương trình môn Lịch sử, nghiên cứu khoa học chuyên ngành đáp ứng yêu cầu đổi mới của bối cảnh nghề nghiệp

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
PO1	✓	✓	✓						
PO2				✓	✓				
PO3						✓	✓		
PO4								✓	✓

- Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT**

CDR	Mô tả Chuẩn đầu ra
PLO1.1.	Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và

	pháp luật vào các hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu Lịch sử
1.1.1.	<i>Áp dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật</i>
1.1.2.	<i>Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn</i>
PLO1.2.	Áp dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học Lịch sử và kiến thức liên ngành trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục ở phổ thông, các công việc có ứng dụng khoa học chuyên ngành.
1.2.1.	<i>Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Nhân học văn hóa, Phương pháp luận và PPNCKH chuyên ngành</i>
1.2.2.	<i>Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam</i>
1.2.3.	<i>Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử thế giới</i>
PLO1.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về khoa học giáo dục và dạy học Lịch sử vào hoạt động nghề nghiệp
1.3.1.	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục</i>
1.3.2.	<i>Áp dụng kiến thức chuyên sâu về lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử, kiểm tra và đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học</i>
1.3.3.	<i>Vận dụng kiến thức về tổ chức dạy học, phát triển chương trình môn Lịch sử trong xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục môn học ở trường phổ thông</i>
PLO2.1.	Áp dụng các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
2.1.1.	<i>Phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>
2.1.2.	<i>Áp dụng kỹ năng tự học</i>
2.1.3.	<i>Áp dụng kỹ năng sử dụng công nghệ</i>
PLO2.2.	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông
2.2.1.	<i>Thể hiện đạo đức nhà giáo</i>
2.2.2.	<i>Thể hiện phong cách nhà giáo</i>
PLO3.1.	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu và giáo dục, dạy học Lịch sử
3.1.1.	<i>Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm</i>
3.1.2.	<i>Thực hiện kỹ năng hợp tác</i>
PLO3.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học Lịch sử
3.2.1.	<i>Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức</i>
3.2.2.	<i>Thực hiện giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản (bậc 3.6)</i>
PLO4.1.	Phân tích bối cảnh xã hội, nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Lịch sử
4.1.1.	<i>Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông</i>
4.1.2.	<i>Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Lịch sử</i>
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển chương trình môn Lịch sử, nghiên cứu khoa học chuyên ngành đáp ứng yêu cầu đổi mới của bối cảnh nghề nghiệp
4.2.1.	<i>Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành</i>
4.2.2.	<i>Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành</i>
4.2.3.	<i>Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa</i>

	<i>học chuyên ngành</i>
4.2.4	<i>Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học chuyên ngành</i>

(*Chuẩn đầu ra đã được đối sánh tương thích với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông Bảng phụ lục đính kèm*)

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Lịch sử có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- Giảng dạy Lịch sử tại các trường phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước;
- Giảng dạy Lịch sử tại các trường đại học và cao đẳng trong cả nước nếu đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về trình độ và năng lực cao hơn;
- Nghiên cứu tại các trung tâm khoa học xã hội và nhân văn, viện nghiên cứu giáo dục;
- Chuyên viên và quản lý tại các bộ phận ở các trường học, các cơ sở quản lý giáo dục, các cơ sở bảo tàng, các đơn vị hành chính khác phù hợp với chuyên môn.

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT Quốc gia
- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Vinh
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 sinh viên/năm.

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ của CTĐT theo quy định
- c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ GDQP-AN đối với các ngành không chuyên về quân sự và chứng chỉ GDTC đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;
- e) Đạt chuẩn đầu ra về Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ và Kỹ năng mềm theo quy định.
- g) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, báo cáo thực tập, thực tế đều hướng tới đáp ứng các chuẩn đầu ra của CTĐT, bao gồm kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác, hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển các hoạt

động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu đổi mới của hoạt động nghề nghiệp.

Phương pháp giảng dạy và học tập đa dạng bao gồm: thuyết trình, hướng dẫn, tự học, thảo luận, bài tập, đồ án, trải nghiệm thực tế phổ thông, thực tế chuyên môn có thể giúp SV lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập. giảng viên thực hiện các hoạt động dạy học phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời, được thể hiện cụ thể qua bảng sau đây:

Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
Thuyết trình và vấn đáp	v	v	v		v	v	v	v	v	
Hướng dẫn	v	v	v					v	v	
Tự học	v	v	v	v				v	v	
Thảo luận	v	v	v	v		v	v	v	v	
Bài tập	v	v	v	v		v	v	v	v	
Đồ án		v	v	v	v	v	v	v	v	
Trải nghiệm thực tế phổ thông			v		v	v	v	v	v	
Thực tế chuyên môn		v		v		v			v	

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Việc đánh giá được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo. Các hình thức kiểm tra, đánh giá trong CTĐT được thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp, đảm bảo thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo hợp với CDR của CTĐT. Các hình thức kiểm tra đánh giá được thiết kế đa dạng bao gồm: đánh giá hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, thi trắc nghiệm trên máy tính, thi tự luận, đồ án.

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của CTĐT									
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
Quan sát hoạt động cá nhân	Rubrics		v	v	v	v			v	v	
Quan sát hoạt động nhóm	Rubrics	v	v	v	v	v	v		v	v	
Bài tập	Rubrics/ đáp án	v	v	v				v	v	v	
Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubrics	v	v	v				v			
Thi tự luận	Đáp án	v	v	v				v	v	v	
Đồ án	Rubrics		v	v	v			v	v	v	

Theo Quy chế đào tạo đại học đang áp dụng hiện hành của Trường Đại học Vinh (quyết định số 2018/QĐ-ĐHV, ngày 09 tháng 9 năm 2021) việc đánh giá kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO như sau:

Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm đánh giá thường xuyên (trọng số điểm 50%) và điểm đánh giá cuối kì (trọng số điểm 50%), cụ thể:

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra, phù hợp với CTĐT tiếp cận CDIO, tương thích với hình thức tổ chức dạy học kết hợp.

2. Quy trình đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra được thực hiện theo 4 bước như sau:

a) Bước 1: Chi tiết hóa việc phân nhiệm các chuẩn đầu ra CTĐT

- Căn cứ vào mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung CTĐT, Hiệu trưởng phê duyệt ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT cho các học phần và trọng số đóng góp của các chuẩn đầu ra CTĐT được phân nhiệm cho mỗi học phần.

- Giảng viên xây dựng các chuẩn đầu ra học phần phù hợp với chủ đề và mức độ năng lực của các chuẩn đầu ra CTĐT phân nhiệm cho học phần; xác định trọng số đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần cho chuẩn đầu ra CTĐT được phân nhiệm. Điểm số chuẩn đầu ra CTĐT phân nhiệm cho học phần được tính theo công thức sau:

$$PLO = \sum_{k=1}^n (b_k \cdot CLO_k)$$

Trong đó:

PLO: điểm của chuẩn đầu ra CTĐT được đánh giá;

k : số thứ tự các chuẩn đầu ra học phần;

n : số lượng chuẩn đầu ra học phần liên kết (ánh xạ) với chuẩn đầu ra CTĐT được đánh giá;

b_k : trọng số đóng góp của chuẩn đầu ra học phần thứ k cho chuẩn đầu ra CTĐT được đánh giá;

CLO_k : điểm số của chuẩn đầu ra học phần thứ k mà sinh viên đạt được.

b) Bước 2: Nhất quán các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra

- Giảng viên lựa chọn phương pháp đánh giá (trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...) và công cụ đánh giá (đáp án và thang điểm, phiếu đánh giá...) phù hợp cho từng chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm), phù hợp với hình thức tổ chức dạy học của từng nhóm học phần (học phần lí thuyết, thực hành, đồ án...).

- Chuẩn đầu ra về kiến thức được đánh giá bằng điểm số thông qua đáp án và thang điểm của câu hỏi, bài tập; chuẩn đầu ra về kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm được đánh giá bằng mức năng lực của các tiêu chí trong phiếu đánh giá (rubrics, bảng kiểm...), được quy đổi sang điểm số tương ứng.

c) Bước 3: Thu thập, phân tích chứng cứ về việc học tập của sinh viên

- Giảng viên thực hiện đánh giá việc học tập của sinh viên thông qua các bài đánh giá được phê duyệt trong đề cương học phần; mỗi bài đánh giá cần thể hiện rõ những chuẩn đầu ra học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi chuẩn đầu ra cho bài đánh giá. Điểm của bài đánh giá được tính theo công thức sau:

$$A = \sum_{i=1}^m (a_i \cdot CLO_i)$$

Trong đó:

A: điểm của bài đánh giá ($A_{x.x}$);

i : số thứ tự các chuẩn đầu ra học phần trong bài đánh giá;

m : số lượng chuẩn đầu ra học phần trong bài đánh giá;

a_i : trọng số đóng góp của chuẩn đầu ra thứ i trong bài đánh giá;

CLO_i : điểm số của chuẩn đầu ra thứ i trong bài đánh giá.

- Viện Nghiên cứu và đào tạo trực tuyến xây dựng giải pháp tự động tính điểm học phần từ dữ liệu nhập vào của giảng viên, chuyển kết quả sang phần mềm quản lý học tập để tính điểm trung bình theo kì học, theo năm và theo khóa học để phục vụ việc xếp hạng cho sinh viên. Dữ liệu đánh giá chi tiết lưu trên LMS, thường xuyên được sao lưu để phục vụ công tác thanh kiểm tra và tra cứu.

d) Bước 4: Sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến việc giảng dạy và học tập

- Giảng viên sử dụng kết quả đánh giá thường xuyên để cải tiến việc giảng dạy và học tập trong suốt quá trình dạy học. Đơn vị đào tạo sử dụng kết quả đánh giá của học phần để đánh giá mức độ hoàn thành chuẩn đầu ra của sinh viên trong những thời điểm cụ thể, từ đó có giải pháp điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu đào tạo.

- Trung tâm Đảm bảo chất lượng triển khai thu thập và phân tích dữ liệu đánh giá; tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan; xây dựng phương pháp trích xuất dữ liệu kết quả bằng điểm số; trích xuất kết quả đánh giá về chuẩn đầu ra của CTĐT theo từng thời điểm nhất định nhằm cung cấp thông tin cải tiến quá trình dạy học, cải tiến chuẩn đầu ra CTĐT.

Điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (trọng số điểm chiếm 50%) và điểm đánh giá cuối kì (trọng số điểm chiếm 50%).

Điểm đánh giá thường xuyên nhằm thu thập minh chứng về kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập; bao gồm điểm đánh giá hàng tuần qua LMS và điểm danh đánh giá trực tiếp/tự nhiên trong quá trình học tập. Đề cương học phần qui định rõ hình thức đánh giá, các bài đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi bài đánh giá cho phần đánh giá thường xuyên.

Đánh giá cuối kì nhằm thu thập minh chứng để xác định kết quả học tập khi kết thúc học phần. Đề cương học phần qui định rõ hình thức đánh giá, các bài đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi bài đánh giá cho phần đánh giá cuối kì.

Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Dựa vào kết quả tổng hợp cuối cùng, tỷ trọng của từng thành phần điểm được quy định trong đề cương học phần, phần mềm sẽ quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ theo điểm tổng kết học phần và theo điểm tổng kết của mỗi chuẩn đầu ra CTĐT.

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4	Ghi chú
A	8,5 – 10,0	4	Đạt
B+	8,0 – 8,4	3,5	Đạt
B	7,0 – 7,9	3	Đạt
C+	6,5 – 6,9	2,5	Đạt
C	5,5 – 6,4	2	Đạt
D+	5,0 – 5,4	1,5	Đạt
D	4,0 – 4,9	1	Đạt
F	< 4,0	0	Không đạt

2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

Đối sánh giữa chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Vinh với chương trình Đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và ngành Đào tạo giáo viên Lịch sử của khoa Lịch sử thuộc Brigham Young University.

* Về chuẩn đầu ra

+ Ngành Sư phạm Lịch sử Trường Đại học sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh xác định chuẩn đầu ra dựa trên các yêu cầu về phẩm chất và năng lực mà sinh viên cần đạt được. Cụ thể:

1. Phẩm chất:

1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

1.2. Phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

2.1.1. Năng lực tự học

2.1.2. Năng lực giao tiếp

2.1.3. Năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề

2.1.4. Năng lực hợp tác

2.1.5. Năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin

2.2. Năng lực nghề nghiệp

2.2.1. Năng lực hiểu người học

2.2.2. Năng lực phát triển chương trình; nghiên cứu, thiết kế và thực hành hoạt động dạy học

2.2.3. Năng lực hiểu môi trường giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục

2.2.4. Năng lực đánh giá

+ Ngành Đào tạo giáo viên Lịch sử của khoa Lịch sử thuộc Brigham Young University xác định các chuẩn đầu ra dành cho sinh viên của ngành như sau:

- Về chủ đề môn học: sinh viên có thể xác định rõ các khái niệm cốt lõi, các bộ công cụ và tiêu chuẩn liên quan đến chương trình lịch sử được giảng dạy trong các lớp học trung học và có thể tạo ra các trải nghiệm học tập làm cho các kiến thức trở nên có ý nghĩa đối với học sinh.

- Năng lực tìm hiểu người học và thực hiện hoạt động học tập: sinh viên có thể mô tả cách người học học tập và phát triển, thừa nhận sự khác biệt về văn hoá và cá nhân, tạo ra môi trường thúc đẩy học tập hợp tác. Sinh viên cũng có thể sử dụng các chiến lược giảng dạy khác nhau để khuyến khích sự phát triển của học sinh về tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như có kỹ năng đánh giá người học.

- Năng lực phát triển chuyên môn: các sinh viên có năng lực đánh giá thực tiễn giảng dạy, tích cực tìm kiếm cơ hội để phát triển chuyên môn nghiệp vụ, năng lực tham gia xây dựng các mối quan hệ với các bên liên quan trong cộng đồng học tập.

Trên cơ sở đối sánh các chuẩn đầu ra của các trường đại học, căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông, tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu của nhà trường, vào các tiêu chí CDIO, kết quả khảo sát nhu cầu các bên liên quan, ngành Sư phạm Lịch sử đã xây dựng chuẩn đầu ra như sau:

CĐR	Mô tả Chuẩn đầu ra
PLO1.1.	Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào các hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu Lịch sử
PLO1.2.	Áp dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học Lịch sử và kiến thức liên ngành trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục ở phổ thông, các công việc có ứng dụng khoa học chuyên ngành.
PLO1.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về khoa học giáo dục và dạy học Lịch sử vào hoạt động nghề nghiệp
PLO2.1.	Áp dụng các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO2.2.	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông
PLO3.1.	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu và giáo dục, dạy học Lịch sử
PLO3.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học Lịch sử
PLO4.1.	Phân tích bối cảnh xã hội, nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Lịch sử
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển chương trình môn Lịch sử, nghiên cứu khoa học chuyên ngành đáp ứng yêu cầu đổi mới của bối cảnh nghề nghiệp

* Về khung chương trình:

Tên môn học	Trường Đại học Vinh		Trường Đại học Sư phạm TPHCM		BA in History Teaching , History Department, Brigham Young University		
	Bắt buộc (số tín chỉ)	Tự chọn	Bắt buộc (số tín chỉ)	Tự chọn (số tín chỉ)	Tên môn học	Bắt buộc (giờ tín chỉ)	Tự chọn
NLCB của CN Mác-Lênin	5	(số tín chỉ)	5		HIST 276 - Exploration of Teaching - Social Science	4	
Ngoại ngữ 1	3		4		WRTG 150 - Writing and Rhetoric	3	
Ngoại ngữ 2	4		3		HIST 200 - The Historian's Craft	3	
Tin học đại cương			3		HIST 201 - World Civilization to 1500	3	
Tâm lý học	4		2 (Tâm lý học đại cương)		HIST 202 - World Civilization from 1500	3	
Kỹ năng giao tiếp	3 (Giao tiếp sư phạm)		2 (Giao tiếp sư)		HIST 220 - The United States Through 1877	3	

			phạm)				
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2		HIST 221 - The United States Since 1877	3	
Ngoại ngữ 3			3		HIST 364 - Utah	3	
Giáo dục học	4		2 (GDH đại cương)		HIST 397 - Historical Literacies in United States History	3	
Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3		3		HIST 399 - Democratic Classroom Design for Social Studies	3	
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	1 (Kiến tập sư phạm)		2		HIST 190 - Thetean Production		2
Pháp luật đại cương			2		Doctrine		2
Nhập môn nghề giáo	2 (nhập môn ngành Sư phạm)		1		HIST 206R - Regional and Thematic Studies in Family History		
Tâm lí học giáo dục			2		HIST 218 - The Family and the Law in American History		3
Tiến trình lịch sử Việt Nam	3				HIST 231 - Introduction to East Asian History		3
Địa lí học đại cương	4				HIST 232 - Introduction to the History of Christianity		3
Văn học Việt Nam đại cương	3				HIST 238 - Ancient Near East to 330 BC		
Lịch sử triết học	3				HIST 239 - Ancient Near East, 330 BC - 640 AD		3
Đánh giá trong giáo dục	2				HIST 240 - Middle East History to 1800		3
Ứng dụng ICT trong giáo dục	3				HIST 241 - Middle East History from 1800		3
Phương pháp dạy học hiện	4				HIST 242R - (Hist-NES 347R) Arab		2

đại					and Islamic Civilization	
Phương pháp nghiên cứu khoa học			2 (PPNC KH Lịch sử)		HIST 243R - (HISTNES 349R) Jewish Civilization	2
Phương pháp luận sử học và Phương pháp NC lịch sử địa phương	3 (Phương pháp luận sử học)		4 (Lý luận sử học)		HIST 244 - Jewish History: A.D. 70 to the Present	3
Cơ sở văn hóa Việt Nam			2		HIST 247 - (HISTCICv 304) Greek History	3
Khảo cổ học đại cương và sử liệu học			2 (Khảo cổ học đại cương)		HIST 248 - (HISTCICv 307) Roman History	3
Lịch sử văn minh thế giới	3		2		HIST 250 - Europe 1500 to the Present	3
Nhân học văn hóa	2		2 (Nhân học đại cương)		HIST 251 - Conquest and Colonization of Latin America	3
Lịch sử Việt Nam Cổ trung đại	5		4 (chia LSVN cổ trung đại 1,2)		HIST 252 - Modern Latin America	3
Lịch sử Thế giới Cổ trung đại	5		5 (chia 1,2)		HIST 253 - Religion in Colonial Latin America	3
Lịch sử Việt Nam Cận đại	5 (Lịch sử Việt Nam cận đại & Thực tế chuyên môn)		3		HIST 261 - Modern Africa	3
Lịch sử Thế giới Cận đại	5		4		HIST 276 - Exploration of Teaching - Social Science	3
Lịch sử Việt Nam hiện đại	5		4		HIST 290 - Nature and History: The Earth's Environmental Past	3

Lịch sử thế giới hiện đại	5		4		HIST 292 - Food and History		3
Thực tế chuyên môn			2		HIST 293 - World War II in History and Memory		2
Tự chọn 1 (Phương pháp dạy học LS)	3				HIST 294 - The Age of the French Revolution		3
Tự chọn 2 (LSTG)	3				HIST 295 - Latin America in the Age of Revolution, 1750-1850		3
Tự chọn 3 (LSVN)	3				HIST 298 - Digital History		3
Phong trào nông dân trong lịch sử trung đại Việt Nam			2		HIST 300 - The Early Middle Ages		3
Tiến trình lịch sử kinh tế - ngoại giao Việt Nam			2		HIST 302 - The Italian Renaissance		3
Vùng tự do Nam Trung Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)			2		HIST 303 - The Reformation: Age of Turmoil		3
Biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kì đổi mới			2		HIST 304 - The Expansion of Europe, 1400-1800		3
Lịch sử Đông Nam Á			2		HIST 305 - The Age of Enlightenment		3
Một số vấn đề về Cách mạng tháng Mười Nga (1917 – 1921)			2		HIST 306 - Nineteenth-Century Europe		3
Tiếp xúc văn hóa giữa Trung Quốc với Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam trong lịch sử			2		HIST 307 - Europe Since 1914		3
Công cuộc cải cách – mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay			2		HIST 308 - The Mediterranean		3

Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương			2		HIST 309 - European Revolutions Since 1500		3
Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy Lịch sử địa phương			2		HIST 310 - European Economic History		3
Một số vấn đề về nhà nước và làng xã Việt Nam trong lịch sử				2	HIST 311 - The History of Film, Radio, and Television		3
Vấn đề canh tân ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX				2	HIST 312 - History of Ideas		3
Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng dân tộc Việt Nam (1945-1975)				2	HIST 313 - Strategy in Peace and War		3
Một số vấn đề về thời kỳ chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX)				2	HIST 314 - Fascism and Nazism in Europe, 1914-present		3
Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam				2	HIST 315 - European Jews and the Holocaust		3
Phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp từ 1912 đến 1929				2	HIST 316 - Modern American Warfare Studies		3
Lịch sử cách mạng Pháp				2	HIST 317 - Terrorism and Counterterrorism		3
Các cuộc cải cách ở Liên Xô từ đầu thập niên 20 đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX				2	HIST 318 - European Women's History		3
ASEAN: Những chặng đường lịch sử".				2	HIST 319 - The Family in Europe		3

Giáo dục Nhật Bản				2	HIST 322 - Pre-Modern Britain		3
Biển Đông: lịch sử và hiện tại				2	HIST 323 - Modern Britain		3
Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay				2	HIST 324 - France		3
Lịch sử Hoa Kỳ từ năm 1945 đến nay				2	HIST 325 - Spain		3
Trung Quốc từ năm 1949 đến nay				2	HIST 326 - The History of Mexico		3
Phương pháp tiếp cận và giảng dạy các dạng bài trong sách giáo khoa Lịch sử Trung học phổ thông				2	HIST 327 - Italy in the Modern World Since 1848		3
Một số biện pháp tổ chức học sinh linh hoạt kiến thức cơ bản trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông				2	HIST 328 - Modern Germany		3
Giảng dạy lịch sử theo hướng tiếp cận tư liệu lịch sử				2	HIST 329 - The City in Brazil: An Urban History		3
Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông				2	HIST 330 - The Russian Empire Under the Romanovs		2
Tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông				2	HIST 331 - Soviet Union and Post-Soviet Russia		3
Dạy học tích hợp trong môn Lịch sử ở trường phổ thông				2	HIST 332 - Scandinavian History		3
Hoạt động trải					HIST 333 -		3

<p>nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông</p>				2	History of the Ottoman Empire		
<p>Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông</p>				2	HIST 334 - History of Ancient Iraq		3
<p>Phát triển năng lực đánh giá sự kiện cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông</p>				2	HIST 335 - Crusades		3
<p>Lí luận dạy học môn Lịch sử</p>	3		2 (Lý luận và phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông)		HIST 336 - South African Liberation Movements		3
<p>Hệ thống các phương pháp dạy học Lịch sử và ứng dụng CNTT trong dạy học lịch sử, bản đồ GK lịch sử</p>	4		3 (Hệ thống các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường phổ thông)		HIST 337 - Pre-modern Korea		3
<p>Các hình thức tổ chức dạy học</p>	4				HIST 338 - Modern Korea		3

Lịch sử						
Phát triển chương trình học môn Lịch sử	4 (Chương trình, SGK Lịch sử)		2			
Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông			2		HIST 339 - African Social Change	3
Kiến thức cơ bản trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông			2		HIST 340 - Traditional China	3
Đổi mới dạy học theo khoa học giáo dục hiện đại (Lý thuyết và ứng dụng)			2		HIST 341 - China Since 1200	3
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông			2		HIST 342 - The Mongol Empire in World History	3
Thực hành dạy học Lịch sử	2				HIST 343 - Early Japan: Shinto and Samurai, Courtiers and Courtesans	3
Thực tập sư phạm			8 (Thực tập sư phạm 1, 2)		HIST 344 - Modern Japan	3
Khóa luận, tiểu luận nghiên cứu hoặc học phân thay thế			6		HIST 347 - Chinese Cultural History	3
					HIST 348 - Modern South East Asia	3
					HIST 349 - History of Asian Religions and	3

					Thought		
					HIST 355 - History of Argentina		
					HIST 356 - Brazil		3
					HIST 357 - The Indian in Latin American History		3
					HIST 358 - Gender and History in Latin America		3
					HIST 359 - Inter-American Relations		3
					HIST 360 - American West to 1900		3
					HIST 361 - The American West Since 1900		3
					HIST 362 - United States Immigration History		3
					HIST 363 - The Spanish Frontier in North America		3
					HIST 365 - American South		3
					HIST 366 - Slavery and the Slave Trade in Africa and the Atlantic World		3
					HIST 367 - Slavery in the United States		3
					HIST 368 - Sport, Society, and American Culture		3
					HIST 369 - History of Travel and Tourism		3
					HIST 370 - Early America		3
					HIST 371 - Revolutionary America		3
					HIST 373 - Civil		3

					War Era, 1848-1877	
					HIST 374 - U.S. History from 1890 to 1945	3
					HIST 375 - Joseph Smith in Mormon History and Historiography	3
					HIST 376 - U.S. History from 1945 to 2000	3
					HIST 377 - Growing Up in America: A History of Childhood and Youth	3
					HIST 378 - History of American Families	3
					HIST 379 - U.S. Religious History to 1860	3
					HIST 380 - U.S. Religious History Since 1860	3
					HIST 382 - Mormonism in the American Experience	3
					HIST 383 - African-American History, 1865 to Present	3
					HIST 384 - United States Women's History	3
					HIST 385 - Latinos in the United States	3
					HIST 386 - American Indian History to 1830	3
					HIST 387 - American Indian History from 1830 to the Present	3
					HIST 389 - Mormonism	3

					Among Christian Theologies: A Comparative Histo		
					HIST 391 - The Vietnam War		3
					HIST 392 - U.S. Constitutional History		3
					HIST 393 - U.S. Foreign Relations		3
					HIST 394 - Scripture in American History		3
					HIST 395 - Teaching with Technology in Social Studies		3
					HIST 396 - Historical Narrative: A Writing Workshop		3
					HIST 398 - American Capitalism: Politics and the Economy in Modern American History		3
					HIST 431 - Public History		3
					HIST 485 - Topical Readings Seminar		3
					HIST 487 - Philosophies of History		3
					HIST 495R - Directed Research		3
					HIST 498R - Directed Readings		3

					HIST 490 - Capstone Research Seminar	3.0	
					OPTION 9.1 Complete 8 courses		15
					OPTION 9.2 Complete 12.0 hours from the following course(s)		12

Nhận xét:

Với ĐHSP TP.HCM, tỉ lệ các môn chung chiếm: 27/135 tín chỉ (20%), học phần chuyên môn 68/135 tín chỉ (50,37%), học phần nghề nghiệp 34/135 (25,19%), 6 tín chỉ khóa luận hoặc học phần thay thế.

Với Đại học Vinh, chương trình khoá 58 có học phần chung 20/125 tín chỉ (16%), học phần khối ngành 42 /125 (33.6%); học phần chuyên môn 35/125 (28%), học phần kiến thức nghề nghiệp 28/125 (22,4%), không có khóa luận tốt nghiệp.

Chương trình của Brigham Young University thiết kế nhiều khối kiến thức tự chọn để sinh viên đưa ra các lựa chọn phù hợp bản thân.

Điểm bất cập của chương trình khoá 58 của Trường Đại học Vinh như sau:

+ Khối lượng các học phần khối ngành quá nhiều, tương tự làm giảm khối kiến thức chuyên môn và kiến thức nghề nghiệp. Tất cả các kiến thức liên quan đến khối ngành như: Đánh giá trong giáo dục, Ứng dụng ICT trong dạy học, Phát triển chương trình... cần phải được triển khai trong thực tiễn của môn Lịch sử, không nên để chung cho toàn ngành Sư phạm.

+ Các kiến thức chuyên ngành được học chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của giáo dục phổ thông. Hệ thống chuyên đề được xây dựng quá ít (3 chuyên đề), chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo chuyên sâu của bậc đại học.

Vì vậy, phương hướng chỉnh sửa: giảm tỉ lệ khối kiến thức nhóm ngành, tăng cường kiến thức cơ sở ngành, tỉ lệ các học phần chuyên môn, thực tế; tăng cường các môn học tự chọn để sinh viên có nhiều lựa chọn phù hợp.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc chung của CTDH ngành SPLS được ngành xây dựng dựa trên các yêu cầu của CDR. Trong chương trình có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành SPLS, trình độ đại học, thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kì, bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức đại cương chiếm 35,71% (bao gồm: chính trị, kinh tế, pháp luật, khoa học xã hội nhân văn, tin học, ngoại ngữ) và giáo dục chuyên nghiệp, chiếm

64,29% (bao gồm: cơ sở ngành chiếm 42,86%; chuyên ngành chiếm 21,43%). Với tỉ lệ giữa hai khối kiến thức trên nhằm tăng tính tích hợp và liên thông giữa các ngành sư phạm khác như: Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục chính trị với ngành sư phạm Lịch sử, tạo điều kiện cho SV học cùng lúc 2 CTĐT, mỗi học kì SV có thể đăng kí học từ 14 đến 30 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian của mình. Cụ thể:

Bảng 3.1. Ảnh xạ các mô-đun của CTDH với CDR của CTĐT

Các mô-đun		Số TC	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
Giáo dục đại cương	1. Chính trị, kinh tế, pháp luật, khoa học xã hội nhân văn	34	26.98%	v			v	v	v	v	v	v	
	2. Ngoại ngữ	7	5.56%				v		v	v			
	3. Công nghệ thông tin	4	3.17%				v		v	v		v	
Giáo dục chuyên nghiệp	4. Cơ sở ngành	54	42.86%		v		v	v	v	v	v	v	
	5. Chuyên ngành	27	21.43%			v	v	v	v	v	v	v	
Tổng		126											

3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2.

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT									
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm			v	v	v	v	v	v	v	v
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	v									
3	GEO20003	Môi trường và phát triển bền vững	v			v					v	
4	HIS30004	Nhân học văn hóa		v		v	v					
5	POL11001	Triết học Mác - Lênin	v			v	v					
6	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	v			v					v	
7	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	v			v	v					
8	HIS30001	Lịch sử thế giới cổ - trung đại		v		v		v				v
9	EDU21003	Tâm lý học			v		v			v		
10	ENG10001	Tiếng Anh 1								v		

11		Tự chọn 1	v	v						v	
12	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	v			v	v				
13	EDU20006	Giáo dục học			v	v		v			v
14	HIS30002	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại		v		v		v			v
15	HIS30005	Phương pháp luận sử học		v							
16	ENG10002	Tiếng Anh 2							v		
17	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	v			v	v				
18	HIS30007	Lịch sử thế giới cận đại		v		v		v			v
19	HIS31009	Lịch sử Việt Nam cận đại		v		v		v			v
20	HIS30028	Thực tế chuyên môn		v		v		v			v
21		Tự chọn 2						v	v		
22	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục				v	v	v	v	v	v
23	HIS30006	Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử			v		v			v	v
24	HIS30008	Lịch sử thế giới hiện đại		v		v		v			v
25	HIS30013	Lịch sử Việt Nam hiện đại		v		v		v			v
26	HIS30003	Lý luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung)			v		v	v		v	
27	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	v			v	v				
28	HIS30020	Chuyên đề 1: Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản		v					v		v
29	HIS31010	Chuyên đề 2: Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam		v				v			v
30	HIS31015	Chuyên đề 3: Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại		v				v			v
31	HIS31012	Phát triển chương trình môn Lịch sử			v		v	v		v	v
32	HIS31011	Tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông			v	v	v				v
33	HIS30021	Chuyên đề 4: Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam		v					v		v
34	HIS30022	Đánh giá trong dạy học lịch sử			v		v				v
35	HIS30016	Thực hành dạy học lịch sử				v	v		v		v
36		Tự chọn 3		v		v		v			v
37		Tự chọn 4		v					v		v
38	HIS31018	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp				v	v		v	v	v

- **Phân nhiệm giữa các học phần và CDR chi tiết của CTĐT**
(Xem Phụ lục A)

3.4. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau: (1) Loại học phần: × – bắt buộc, √ – tự chọn; (2) LT – lý thuyết, TH – thực hành, TL – thảo luận, BT – bài tập, ĐA – đồ án.

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần ⁽¹⁾	Số tín chỉ	Số tiết ⁽²⁾				Mô đun	Phân kỳ
					LT	TH	TL/BT	ĐA		
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	Bắt buộc	3	15			30	GDĐC	1
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	Bắt buộc	3	30		15		GDĐC	1
3	GEO20003	Môi trường và phát triển bền vững	Bắt buộc	3	30		15		GDĐC	1
4	HIS30004	Nhân học văn hóa	Bắt buộc	2	20		10		GDCN	1
5	POL11001	Triết học Mác - Lênin	Bắt buộc	3	30		15		GDĐC	1
6	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Bắt buộc	3	30		15		GDĐC	2
7	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bắt buộc	2	20		10		GDĐC	2
8	HIS30001	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	Bắt buộc	5	30		15	30	GDCN	2
9	EDU21003	Tâm lý học	Bắt buộc	3	30		15		GDĐC	2
10	ENG10001	Tiếng Anh 1	Bắt buộc	3	30		15		GDĐC	2
11		Tự chọn 1	Tự chọn	2					GDĐC	2
12	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2	20		10		GDĐC	3
13	EDU20006	Giáo dục học	Bắt buộc	4	45		15		GDĐC	3
14	HIS30002	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	Bắt buộc	5	50		25		GDCN	3
15	HIS30005	Phương pháp luận sử học	Bắt buộc	3	15			30	GDCN	3
	NAP11001	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (GDQP1)	Bắt buộc	(2)	30	0	0	0	GDĐC	(1-3)
	NAP11002	Công tác quốc phòng và an ninh (GDQP 2)	Bắt buộc	(2)	30	0	0	0	GDĐC	(1-3)
	NAP11003	Quân sự chung (GDQP3)	Bắt buộc	(2)	15	15	0	0	GDĐC	(1-3)
	NAP11004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật (GDQP4)	Bắt buộc	(2)	4	26	0	0	GDĐC	(1-3)
	SPO10001	Giáo dục thể chất	Bắt buộc	(5)	15	60	0	0	GDĐC	(1-3)
16	ENG10002	Tiếng Anh 2	Bắt	4	45		15		GDĐC	3

			buộc							
17	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2	20		10		GDĐC	4
18	HIS30007	Lịch sử thế giới cận đại	Bắt buộc	5	50		25		GDCN	4
19	HIS31009	Lịch sử Việt Nam cận đại	Bắt buộc	5	50		25		GDCN	4
20	HIS30028	Thực tế chuyên môn	Bắt buộc	1		15			GDCN	4
21		Tự chọn 2	Tự chọn	2					GDĐC	4
22	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	Bắt buộc	4	15	15		30	GDĐC	4
23	HIS30006	Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử	Bắt buộc	4	40		20		GDCN	5
24	HIS30008	Lịch sử thế giới hiện đại	Bắt buộc	5	50		25		GDCN	5
25	HIS30013	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Bắt buộc	5	30		15	30	GDCN	5
26	HIS30003	Lý luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung)	Bắt buộc	3	30		15		GDCN	5
27	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	20		10		GDĐC	5
28	HIS30020	Chuyên đề 1: Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	Bắt buộc	3	30		15		GDCN	6
29	HIS31010	Chuyên đề 2: Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam	Bắt buộc	3	30		15		GDCN	6
30	HIS31015	Chuyên đề 3: Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	Bắt buộc	3	30		15		GDCN	6
31	HIS31012	Phát triển chương trình môn Lịch sử	Bắt buộc	4	15	15		30	GDCN	6
32	HIS31011	Tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	Bắt buộc	3	30		15		GDCN	6
33	HIS30021	Chuyên đề 4: Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	Bắt buộc	3	30		15		GDCN	7
34	HIS30022	Đánh giá trong dạy học lịch sử	Bắt buộc	3	30		15		GDCN	7
35	HIS30016	Thực hành dạy học lịch sử	Bắt buộc	2		30			GDCN	7
36		Tự chọn 3	Tự chọn	3					GDCN	7
37		Tự chọn 4	Tự chọn	3					GDCN	7
38	HIS31018	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	Bắt buộc	8				120	GDCN	8

3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học (có file đính kèm)

3.6. Ma trận kỹ năng (có file đính kèm)

[Trình bày ma trận kỹ năng, ví dụ như hình dưới, thay mã học phần bằng tên học phần]

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

INF20005: Ứng dụng ICT trong giáo dục

Mô tả học phần

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trang bị các kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên hệ Cử nhân Sư phạm. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng linh hoạt thích ứng trong thời đại kỹ nguyên số, sử dụng hiểu biết và các kỹ năng đó như là công cụ để học tập và nghiên cứu nội dung các môn học tiếp theo, ứng dụng hiệu quả kiến thức ICT trong công việc giảng dạy sau này.

Mục tiêu học phần

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trình bày tổng quan về ICT, chuyển đổi số trong giáo dục; Phần mềm xây dựng bài giảng điện tử; Quy trình xây dựng học liệu số; Ứng dụng LMS trong hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá; Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin trong hỗ trợ dạy học; Quy trình thực hiện dự án học phần.

Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch làm đề tài đồ án liên quan đến ngành học; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để ứng dụng ICT đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO 1.1. *Giải thích* các khái niệm cơ bản về ICT trong bối cảnh chuyển đổi số trường học

CLO1.2. *Trình bày* vai trò của ICT và chuyển đổi số trong giáo dục

CLO2.1 *Thể hiện* khả năng tìm kiếm, tổng hợp thông tin từ Internet và nhiều nguồn khác nhau để xây dựng bài giảng điện tử

CLO2.2. *Hình thành* các bước ứng dụng ICT trong xây dựng bài giảng điện tử

CLO2.3. *Thể hiện* kỹ năng kết nối và sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm trong việc nâng cao hiệu quả dạy học

CLO3.1. *Thể hiện* khả năng hình thành và tổ chức hiệu quả các hoạt động nhóm

CLO3.2. *Thể hiện* kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình vấn đề thuyết phục

CLO4.1. *Hình thành* ý tưởng xây dựng học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học

CLO4.2. *Thiết kế* học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học

CLO5.1. *Thể hiện* đạo đức, tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong thời đại số.

ENG10001. Tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên

thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần

Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản

Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản

Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc, phát triển các hoạt động giao tiếp hiệu quả

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1 Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CLO1.2 Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày

CLO1.3 Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ

CLO1.4 Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CLO1.5 Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CLO2.1 Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CLO2.2 Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CLO2.3 Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CLO2.4 Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày

CLO2.5 Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu

CLO3.1 Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên

CLO3.2 Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm

CLO3.3 Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn

CLO3.4 Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng tiếng Anh (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi

một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày

CLO3.5 .Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc

ENG10002. Tiếng Anh 2

Mô tả học phần

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần

- Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp.

- Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3.

- Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1 Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: *verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*

CLO1.3 Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới. Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.

CLO1.4 Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*

CLO1.5 Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*

CLO1.6 Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn , viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (*du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu*)

CLO2.1 Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.

CLO2.2 Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.

CLO2.3 Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.

CLO2.4 Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp

CLO2.5 Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu

CLO3.1 Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp

CLO3.2 Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp

CLO3.3 Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc

CLO3.4 Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh

EDU21003: Tâm lý học

Mô tả học phần

Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần cung cấp cơ sở tâm lý để hình thành tri thức, rèn luyện các kỹ năng, các giá trị, phẩm chất và phát triển năng lực nghề dạy học cho sinh viên, giúp sinh viên hoạt động có hiệu quả trong dạy học, giáo dục và tư vấn, hỗ trợ học sinh.

Mục tiêu học phần

Học phần Tâm lý học khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản, nền tảng về khoa học tâm lý, về cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học, giáo dục, về cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, về cơ sở tâm lý của việc xây dựng môi trường giáo dục, cơ sở tâm lý của xây dựng mối quan hệ giao tiếp, ứng xử trong và ngoài nhà trường. Người học có khả năng vận dụng vào việc hình thành, trau dồi phẩm chất nhà giáo, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh, đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục. Từ đó người học xác định được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên, thực hiện dạy học, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp cho học sinh một cách hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Trình bày những kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý (bản chất, chức năng, phân loại; nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý).

CLO1.2. Giải thích được nguyên lý và quy luật của sự hình thành, phát triển tâm lý.

CLO1.3. Diễn đạt được mối quan hệ giữa nhận thức - tình cảm - ý chí trong hành động và cuộc sống con người.

CLO1.4. Phân tích được cơ sở tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục

CLO1.5. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp

CLO1.6. Phân tích các điều kiện thể chất, xã hội của học sinh và sự phát triển tâm lý theo lứa tuổi để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong học tập, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

CLO2.1. Kỹ năng hiểu và đánh giá đúng trình độ học sinh để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học.

CLO2.2. Hình thành được kỹ năng thiết kế bài dạy: xác định mục đích bài dạy, nội dung dạy và học, phương tiện dạy và học, phương pháp dạy, quá trình thực hiện bài dạy.

CLO2.3. Hình thành được lối sống đạo đức cho học sinh từ hệ thống các yếu tố tâm lý (tri thức đạo đức, niềm tin đạo đức, động cơ đạo đức, tình cảm đạo đức, ý chí đạo đức, thói quen đạo đức)

CLO3.1 Vận dụng các kỹ năng giao tiếp (kỹ năng định hướng giao tiếp, kỹ năng nhận biết đối tượng, kỹ năng định vị, kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp) trong việc giải quyết các nhiệm vụ.

EDU21006. Giáo dục học

Mô tả học phần

Học phần *Giáo dục học* là học phần căn bản của Chương trình đào tạo Sư phạm. Học phần cung cấp những kiến thức nền về phương thức vận hành nhà trường, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực cơ bản của người giáo viên. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, được thiết kế những tiết dạy cùng đội nhóm, được tranh biện về những tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, Sao nhi đồng... Được thử thách, khám phá năng lực sư phạm của bản thân và được cố vấn để hoàn thiện những năng lực đó.

Mục tiêu học phần

Trên cơ sở giải thích được quy tắc vận hành nhà trường trong hệ thống GDQD; phân tích được vai trò của giáo dục, sứ mệnh người thầy giáo; phân tích được phương thức tổ chức hoạt động dạy học; thực hiện được nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp, phụ trách Đoàn, Đội, Sao nhi đồng ... người học có thể phát triển được chương trình GD quốc gia vào hoạt động nhà trường. Những năng lực trên được hình thành khi người học tích cực, nghiêm túc, sáng tạo tương tác trực tiếp hoặc trực tuyến với giảng viên với đồng đội.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Phân tích được kế hoạch DH, PPDH, kiểm tra – đánh giá, phát triển chương trình môn học

CLO1.2. Phân tích được cách thức thực hiện các hoạt động GD, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hóa nhà trường trong công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng

CLO2.1. Giải thích được các tình huống dạy học và giáo dục (công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng)

CLO2.2. Lập được kế hoạch dạy học cho tiết học/tuần/học kì/năm học; thiết kế được bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mẫu

CLO2.3. Đề xuất được biện pháp thực hiện kế hoạch chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng cho từng hoạt động/tháng/học kì/năm học

CLO2.4. Nghiêm túc, tích cực, hợp tác

CLO3.1. Ứng xử phù hợp với các tình huống sư phạm giả định

CLO3.2. Lựa chọn được phương tiện dạy học, giáo dục phù hợp

POL11001. Triết học Mác - Lênin

Mô tả học phần

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương

trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác – Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, từng bước vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.

- Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.

- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1 Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin

CLO1.2 Áp dụng lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội

CLO2.1 Thể hiện hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng

CLO2.2 Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn; phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật trước C.Mác

POL11003. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội

CLO1.2. Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam

CLO2.1. Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

CLO2.2. Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

POL11004.Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối khối kiến giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu học phần

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.

CLO2.1. Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

CLO2.2. Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

POL11002. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả học phần

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phân biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. *Giải thích* được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.

CLO1.2. *Vận dụng* lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.

CLO2.1. *Thể hiện* bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

CLO3.1. *Có khả năng* phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị

POL10002. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu học phần

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Giải thích được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh

CLO1.2. Giải thích được định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.

CLO2.1. Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CLO2.2. Rèn luyện được kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.

PED20002. Nhập môn ngành sư phạm

Mô tả học phần

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* là học phần học đầu tiên trong khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự tin và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

Mục tiêu học phần

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* trình bày khái quát về ngành Sư phạm, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Trình bày khái quát về ngành sư phạm, hệ thống giáo dục và những đổi mới về giáo dục phổ thông của Việt Nam; phẩm chất, năng lực về dạy học và giáo dục của giáo viên phổ thông.

CLO1.2. Trình bày mục tiêu, những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS trong Chương trình GDPT môn Lịch sử; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử

CLO2.1. Thể hiện tư duy hệ thống và tư duy sáng tạo thông qua việc lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực trong quá trình học, trải nghiệm thực tế ở trường phổ thông

CLO2.2. Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo trong trường phổ thông

CLO3.1. Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra

CLO3.2. Thể hiện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần

CLO4.1. Nhận diện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông và vai trò của giáo viên môn Lịch sử trong hoạt động dạy học và giáo dục

CLO4.2. Hình thành ý tưởng cho trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông

CLO4.3. Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông

CLO4.4. Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông

CLO4.5. Đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp

HIS20003: Lịch sử văn minh thế giới

Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về văn hoá, văn minh, các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại; Các nền văn minh phương Đông cổ trung đại như văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Quốc, văn minh A Rập; Các nền văn minh tiêu biểu ở phương Tây cổ đại như văn minh Hy Lạp, văn minh La Mã, văn minh Tây Âu thời trung đại; Về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh thông tin; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc...

Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học có những kiến thức cơ bản về các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại; các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới qua các giai đoạn. Trên cơ sở đó góp phần hình thành ở người học kĩ năng tự học, giao tiếp, hợp tác.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Trình bày được khái niệm văn hoá, văn minh, các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại

CLO1.2. Phác hoạ được các nét khái quát về các nền văn minh tiêu biểu

CLO 1.3. Phân tích được mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

CLO2.1. Thể hiện được kĩ năng tự học

CLO2.2. Thể hiện được phong cách nhà giáo

HIS30004. Nhân học văn hoá

Mô tả học phần

Là học phần cơ sở cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của ngành Nhân học văn hoá. Phần mở đầu cung cấp cho người học những vấn đề chung: định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của dân tộc học trên thế giới và Việt Nam... Trong các phần tiếp theo học phần sẽ làm rõ các vấn đề về chủng tộc, các ngữ hệ, các tiêu chí và các khối cộng đồng tộc người, sự hình thành các thiết chế đầu tiên của xã hội loài người, các vấn đề về tôn giáo sơ khai và tàn dư của nó trong đời sống xã hội hiện đại...

Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học hiểu những vấn đề cơ bản của ngành Nhân học văn hoá, bao gồm những vấn đề chung: định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của dân tộc học trên thế giới và Việt Nam, các vấn đề về chủng tộc, các ngữ hệ, các tiêu chí và các khối cộng đồng tộc người, sự hình thành các thiết chế đầu tiên của xã hội loài người, các vấn đề về tôn giáo sơ khai và tàn dư của nó trong đời sống xã hội hiện đại...

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Trình bày được định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của ngành Nhân học văn hoá

CLO1.2. Phác hoạ được các nét khái quát về dân tộc học trên thế giới và Việt Nam, các vấn đề về chủng tộc, các ngữ hệ, các tiêu chí và các khối cộng đồng tộc người, sự hình thành các thiết chế đầu tiên của xã hội loài người, các vấn đề về tôn giáo sơ khai và tàn dư của nó trong đời sống xã hội hiện đại...

CLO 1.3. Vận dụng được các kiến thức để giải quyết các vấn đề liên quan nhân học văn hoá trong hiện tại

CLO2.1. Thể hiện được kỹ năng tự học

CLO2.2. Thể hiện được phong cách nhà giáo

HIS30001. Lịch sử thế giới cổ-trung đại

Mô tả học phần

Học phần Lịch sử thế giới cổ - trung đại là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành sư phạm lịch sử. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về tiến trình lịch sử loài người ở thời kỳ cổ - trung đại. Cung cấp cho học sinh con đường hình thành tri thức lịch sử thế giới cổ trung đại. Trang bị cho người học kỹ năng tiếp cận tài liệu, các thông tin khoa học, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu... Học phần còn có nhiệm vụ giáo dục và phát triển tư duy cho học sinh.

Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để người học hiểu được quá trình hình thành và phát triển của lịch sử loài người từ thời nguyên thủy đến thời kỳ trung đại; Rèn luyện và hình thành các khả năng: phát hiện và giải quyết vấn đề; rèn luyện khả năng tổ chức hoạt động dạy học; năng lực thuyết trình; kỹ năng hoạt động nhóm và kỹ năng giao tiếp sư phạm. Học phần còn giúp người học phân tích được bối cảnh lịch sử của thế giới thời kỳ cổ - trung đại, từ đó xác định nhiệm vụ giáo dục và phát triển tư duy học sinh trong dạy học lịch sử thế giới cổ trung đại.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử thế giới

CLO2.1. Phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo; Thể hiện được kỹ năng tự học

CLO 3.1. Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

HIS30002. Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại

Mô tả học phần

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về Tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến nửa đầu thế kỷ XIX, tập trung vào các vấn đề sau: thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam (đấu vết và các giai đoạn phát triển); thời kỳ Bắc thuộc và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nhằm bảo vệ, phát huy nền văn hóa dân tộc, giành quyền tự chủ; Việt Nam trong các thế kỷ X - XV; Việt Nam từ đầu thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII; Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX.

Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để người học hiểu được quá trình hình thành và phát triển của đất nước Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thời kỳ trung đại; Rèn luyện và hình thành các khả năng: kỹ năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề; rèn luyện khả năng tổ chức hoạt động dạy học; năng lực thuyết trình; kỹ năng hoạt động nhóm. Học phần còn giúp người học áp dụng các kiến thức trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam

CLO2.1. Phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo; Thể hiện được kỹ năng tự học

CLO 3.1. Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

HIS30007. Lịch sử thế giới cận đại

Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới thời kỳ cận đại, từ cuối thế kỷ XVI (cách mạng tư sản bắt đầu diễn ra) đến hết Chiến tranh thế giới lần

thứ nhất (1914 - 1918), cụ thể gồm các vấn đề: Các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở châu Âu và Mỹ đầu cận đại; các nước tư bản châu Âu và Mỹ từ 1815 đến 1870 (giai đoạn các cuộc cách mạng tư sản tiếp tục diễn ra, chủ nghĩa tư bản trở thành hệ thống thế giới); các nước tư bản Âu – Mỹ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (giai đoạn chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền nhà nước); châu Á châu Phi và Mỹ Latinh thời cận đại (thời kỳ dân phương Tây xâm lược và thống trị hầu hết các nước Á - Phi – Mỹ Latinh và phong trào đấu tranh chống xâm lược, giải phóng dân tộc của nhân dân Á - Phi – Mỹ Latinh).

Mục tiêu học phần

Khái quát được quá trình phát triển của lịch sử thế giới thời kỳ cận đại, Rèn luyện kỹ năng và phẩm chất cá nhân trong dạy học lịch sử, Rèn luyện kỹ năng hoạt động trong môi trường nhà trường, Vận dụng kiến thức lịch sử thế giới cận đại trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử thế giới

CLO2.1. Thể hiện được kỹ năng tự học

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

HIS31009. Lịch sử Việt Nam cận đại

Mô tả học phần

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử dân tộc từ giữa thế kỷ XIX (khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta) đến Cách mạng tháng Tám 1945. Cụ thể là: Việt Nam đối diện với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp (1858 – 1884); tình hình kinh tế - xã hội và phong trào Cần Vương kháng Pháp cuối thế kỷ XIX; Điều kiện lịch sử mới và phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX; chuyển biến của kinh tế - xã hội Việt Nam và các khuynh hướng, đảng phái chính trị trước năm 1945; phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam xuất hiện đến Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Đồng thời, người học cũng được tham gia thực tế chuyên môn tại hiện trường lịch sử.

Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để người học tiếp tục hiểu được quá trình bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam trong thời cận đại; Rèn luyện và hình thành các khả năng: phát hiện và giải quyết vấn đề; tự học, rèn luyện khả năng tổ chức hoạt động dạy học; năng lực thuyết trình; kỹ năng hoạt động nhóm. Học phần còn giúp người học áp dụng các kiến thức trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam

CLO2.1. Phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo; Thể hiện được kỹ năng tự học

CLO 3.1. Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

HIS30008. Lịch sử thế giới hiện đại

Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Tiến trình phát triển và thắng lợi của Cách mạng XHCN tháng Mười Nga, ý nghĩa lịch sử của nó; Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Thành tựu và thiếu sót trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô và Đông Âu trong giai đoạn 1921-1991. Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của CNXH ở khu vực này. Tình hình hiện nay ở các nước Nga và Đông Âu. Sự phát triển và tình hình hiện nay của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước của các nước Á, Phi Mỹ Latinh với điển hình là ở châu Á. Tình hình chung của CNTB hiện đại và sự phát triển của các nước tư bản chủ yếu. Tình hình hiện nay của CNTB hiện đại. Về cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại. Khái lược về quan hệ quốc tế thời hiện đại.

Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của Lịch sử thế giới hiện đại; Trên nền tảng các kiến thức và sự kiện lịch sử thời hiện đại, giúp sinh viên hình thành và phát triển nhận thức đúng đắn về các giá trị nhân văn, các giá trị của lịch sử; Rèn luyện các kỹ năng cần thiết, tổ chức làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của công việc chuyên môn; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng những kiến thức về lịch sử trong việc tiếp cận với các sự kiện đã và đang diễn ra; Phân tích những sự kiện lịch sử một cách khoa học, từ đó có thể rút ra được những quy luật của sự phát triển của lịch sử nói chung và lịch sử thế giới hiện đại nói riêng, hình thành khả năng dự đoán quy luật vận động của lịch sử; Vận dụng kiến thức về lịch sử thế giới hiện đại, xu thế hội nhập quốc tế trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử thế giới

CLO2.1. Phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo; Thể hiện được kỹ năng tự học

CLO 3.1. Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

HIS30013. Lịch sử Việt Nam hiện đại

Mô tả học phần

Học phần *Lịch sử Việt Nam hiện đại* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành Sư phạm Lịch sử. Học phần giúp người học hiểu rõ sự phân kỳ lịch sử hiện đại Việt Nam hiện đại nói riêng và lịch sử Việt Nam nói chung; có tầm nhìn khái quát đối với các vấn đề của lịch sử Việt Nam thời hiện đại; người học biết so sánh, đánh giá tiềm năng

phát triển của đất nước trong bối cảnh của thế giới và khu vực, từ đó có liên hệ với thực tiễn Việt Nam và rút ra được các bài học kinh nghiệm để phát triển đất nước nói chung, phát triển năng lực của bản thân nói riêng phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại.

Mục tiêu học phần

Học phần *Lịch sử Việt Nam hiện đại* trình bày những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam hiện đại từ năm 1945 đến nay; khái quát được con đường đấu tranh của lịch sử dân tộc từ cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) và công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước từ năm 1975 đến nay. Thông qua học phần, người học hiểu và vận dụng được các kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, quy trình thực hiện dự án học phần, biết tổ chức và sắp xếp công việc thực tế tại hiện trường lịch sử trong quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử Việt Nam hiện đại và vận dụng các vấn đề lịch sử Việt Nam hiện đại trong bối cảnh phát triển, hội nhập hiện nay của Việt Nam và thế giới.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam

CLO2.1. Phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo;

CLO 2.2. Thể hiện được kỹ năng tự học

CLO 3.1. Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

HIS31015. Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại

Mô tả môn học

Nội dung môn học bao gồm: Các trật tự thế giới: hệ thống Vecxai - Oasinhton. Nguồn gốc sâu xa, trực tiếp của chiến tranh lạnh; Sự ra đời và diễn biến của chiến tranh lạnh qua các giai đoạn chủ yếu. Chiến lược toàn cầu của Mỹ, Liên Xô. Các biểu hiện chủ yếu của chiến tranh lạnh: Các khối quân sự, chạy đua vũ trang nhất là vũ khí giết người hàng loạt, các cuộc chiến tranh và xung đột khu vực. Các vấn đề quốc tế và khu vực chủ yếu trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Sự ra đời của trật tự thế giới mới: Đặc điểm của thế giới hiện nay, các xu hướng phát triển của thế giới. Những chính sách của Mỹ sau Chiến tranh lạnh nhằm giành ưu thế.

Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản và cốt lõi của các vấn đề quan hệ quốc tế thời cận hiện đại; Trên nền tảng các kiến thức và sự kiện lịch sử, giúp sinh viên hình thành và phát triển nhận thức đúng đắn về các giá trị nhân văn, các giá trị của lịch sử; Rèn luyện các kỹ năng cần thiết, đặc biệt kỹ năng giao tiếp, hợp tác; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng những kiến thức về lịch sử trong việc tiếp cận với các sự kiện đã và đang diễn ra; Phân tích những sự kiện lịch sử một cách khoa học, từ đó có thể rút ra được những quy luật của sự phát

triển của lịch sử nói chung và lịch sử thế giới hiện đại nói riêng, hình thành khả năng dự đoán quy luật vận động của lịch sử; Vận dụng kiến thức về lịch sử thế giới hiện đại, xu thế hội nhập quốc tế trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử thế giới

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

HIS30020. Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

Mô tả môn học

Nội dung môn học bao gồm: Các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu trên thế giới bao gồm các vấn đề cụ thể như bối cảnh lịch sử, diễn biến, ý nghĩa, tác động của các cuộc cách mạng tư sản. Từ đó, học phần giới thiệu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trên thế giới.

Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản và cốt lõi về các cuộc cách mạng tư sản và chủ nghĩa tư bản; Trên nền tảng các kiến thức và sự kiện lịch sử, giúp sinh viên hình thành và phát triển nhận thức đúng đắn về các giá trị nhân văn, các giá trị của lịch sử; Rèn luyện các kỹ năng cần thiết, đặc biệt kỹ năng giao tiếp, hợp tác; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng những kiến thức về lịch sử trong việc tiếp cận với các sự kiện đã và đang diễn ra; Phân tích những sự kiện lịch sử một cách khoa học, từ đó có thể rút ra được những quy luật của sự phát triển của lịch sử nói chung và lịch sử thế giới hiện đại nói riêng, hình thành khả năng dự đoán quy luật vận động của lịch sử; Vận dụng kiến thức về lịch sử thế giới hiện đại, xu thế hội nhập quốc tế trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử thế giới

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

HIS31010. Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam

Mô tả học phần

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nâng cao ngành Sư phạm Lịch sử. Học phần giúp người học hiểu rõ hơn về các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử; có tầm nhìn khái quát đối với các vấn đề của lịch sử Việt Nam thời hiện đại; người học biết so sánh, đánh giá tiềm năng phát triển của đất nước trong bối cảnh của thế giới và khu vực, từ đó có liên hệ với thực tiễn Việt Nam và rút ra được các bài học kinh nghiệm để phát triển đất nước nói chung, phát triển năng lực của bản thân nói riêng phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại.

Mục tiêu học phần

Học phần trình bày những kiến thức nâng cao về bối cảnh, nội dung và tác động, ý nghĩa của các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử. Thông qua học phần, người học hiểu và vận dụng được các kỹ năng kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng hợp tác để giải quyết các vấn đề trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

HIS30021. Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam

Mô tả học phần

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nâng cao ngành Sư phạm Lịch sử. Học phần giúp người học hiểu rõ hơn về quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam; có tầm nhìn khái quát đối với các vấn đề của lịch sử Việt Nam thời hiện đại; người học biết so sánh, đánh giá tiềm năng phát triển của đất nước trong bối cảnh của thế giới và khu vực, từ đó có liên hệ với thực tiễn Việt Nam và rút ra được các bài học kinh nghiệm để phát triển đất nước nói chung, phát triển năng lực của bản thân nói riêng phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại.

Mục tiêu học phần

Học phần trình bày những kiến thức nâng cao về quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam. Thông qua học phần, người học hiểu và vận dụng được các kỹ năng kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng hợp tác để giải quyết các vấn đề trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

HIS30004. Phương pháp luận sử học

Mô tả học phần

Phương pháp luận sử học là học phần thuộc khối kiến thức cốt lõi của chương trình đào tạo ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Lý luận về Sử học; Vai trò, tầm quan trọng, chức năng, nhiệm vụ của Sử học; Các vấn đề về đối tượng của khoa học Lịch sử; Kiến thức về sự kiện, hiện tượng, quy luật

lịch sử... Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng để vận dụng các phương pháp vào tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình lịch sử.

Mục tiêu học phần

Học phần *Phương pháp luận sử học* giúp người học: nắm được những vấn đề cơ bản của lý luận Sử học; Thể hiện tư duy trong nhận thức, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, quy luật lịch sử; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Trình bày được các khái niệm: phương pháp, phương pháp luận, phương pháp luận sử học, lịch sử, sự kiện lịch sử

CLO1.2. Trình bày quá trình hình thành và phát triển của lý luận sử học trên thế giới và Việt Nam

CLO1.3. Nắm được nội dung nghiên cứu và cấu trúc của phương pháp luận sử học

CLO1.4. Hiểu được vai trò, tầm quan trọng của phương pháp luận trong công tác sử học

CLO1.5. Nắm được các chức năng, nhiệm vụ của sử học

CLO1.6. Nắm được các quan điểm về đối tượng của sử học và đặc điểm của nó

CLO1.7. Nắm được các lý thuyết về sự kiện, quy luật, quá trình lịch sử

CLO1.8. Hiểu được những lý luận về các phương pháp nghiên cứu và trình bày đề tài, công trình nghiên cứu lịch sử

CLO2.1. *Thể hiện* tư duy hệ thống trong việc sưu tầm, đánh giá, phê phán các nguồn sử liệu

CLO2.2. *Thể hiện* tư duy phân tích trong việc nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng và quy luật lịch sử

CLO3.1. *Vận dụng* các phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử

CLO3.2. *Vận dụng* phương pháp so sánh trong nghiên cứu lịch sử

CLO3.3. *Vận dụng* phương pháp phân kỳ trong nghiên cứu lịch sử

CLO3.4. *Vận dụng* phương pháp tích hợp trong nghiên cứu lịch sử

CLO3.5. *Áp dụng* các mô hình diễn tiến, mô hình cấu trúc và mô hình hỗn hợp để thiết kế và trình bày một công trình sử học

CLO4.1. *Vận dụng* lý thuyết về sự kiện, hiện tượng và quy luật lịch sử để giảng dạy thực hiện hiện NCKH ở trường PT

CLO4.2. *Vận dụng* lý luận về chức năng, nhiệm vụ của Sử học để giảng dạy về vai trò, tầm quan trọng của dạy và học lịch sử ở trường PT và thực hiện NCKH ở trường PT

CLO4.3. *Vận dụng* kiến thức vai trò, tầm quan trọng của dạy và học lịch sử ở trường PT để hình thành thái độ trân trọng các giá trị lịch sử cho học sinh

HIS30019. Thực hành chuyên môn LSVN

Mô tả học phần

Trang bị cho người học kiến thức thực tế gắn với chuyên môn tại hiện trường lịch sử các tỉnh phía Bắc (Ninh Bình, Hà Nội, Phú Thọ, Bắc Ninh...) hoặc phía Nam ((Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam...))

Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên có mối liên hệ chặt chẽ giữa các kiến thức lí thuyết và thực tiễn hiện trường lịch sử. Thông qua học phần, người học học không chỉ nâng cao hiểu biết có còn bồi dưỡng thái độ, phẩm chất chính trị cho sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam

CLO.2.1. Thể hiện kỹ năng tự học

CLO 3.2. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

HIS30003. Lí luận dạy học Lịch sử (Những vấn đề chung)

Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Một số vấn đề lý luận chung về dạy học lịch sử như: chương trình môn lịch sử, phương pháp, các hình thức tổ chức dạy học lịch sử.

Mục tiêu học phần

Nội dung học phần giúp học sinh hiểu rõ một số vấn đề chung về lý luận dạy học lịch sử. Thông qua học phần, sinh viên cũng được hình thành đạo đức, tác phong nhà giáo.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về phương pháp dạy học Lịch sử

CLO.2.2. Thể hiện phong cách nhà giáo

CLO 3.1. Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác

CLO 4.1. Phân tích bối cảnh xã hội, nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Lịch sử, bao gồm bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông, Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Lịch sử

HIS30006. Hệ thống các PPDH Lịch sử

Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Một số vấn đề lý luận về phương pháp dạy học lịch sử như: Khái niệm "*phương pháp dạy học lịch sử*" cơ sở để xây dựng hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông. Vấn đề phân loại hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông và đặc điểm, trường hợp sử dụng của các phương pháp cụ thể.

Mục tiêu học phần

Nội dung học phần giúp học sinh hiểu rõ một số vấn đề lý luận về phương pháp dạy học lịch sử, từ đó sinh viên có thể vận dụng để thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học phù hợp trong bối cảnh thực tiễn nhà trường. Thông qua học phần, sinh viên cũng hình thành đạo đức, tác phong nhà giáo.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về phương pháp dạy học Lịch sử

CLO.2.2. Thể hiện đạo đức nhà giáo

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo

dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

HIS310011. Tổ chức dạy học lịch sử ở trường phổ thông

Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên nắm vững những kiến thức sau đây: Những vấn đề lí luận về bài học lịch sử: khái niệm, các yêu cầu của bài học lịch sử, cấu trúc (tĩnh, động), các loại bài học lịch sử. Trên cơ sở những hiểu biết chung về bài học lịch sử, để thực hiện tốt bài học, giáo viên cần có quá trình chuẩn bị: nghiên cứu nội dung, chương trình, SGK; đặc điểm tâm lí, trình độ nhận thức của học sinh; đặc điểm và điều kiện của trường, địa phương... Trong đó, khâu soạn bài có ý nghĩa quyết định. Nội dung phần này chỉ rõ phương pháp soạn bài giúp giáo viên thiết kế mô hình giờ học nhằm đạt hiệu quả tối ưu. Hoạt động dạy học bộ môn chủ yếu được tiến hành thông qua bài học ở trên lớp, trong giờ nội khoá. Hoạt động ngoại khoá trong dạy học bộ môn bao gồm nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Do đó giáo viên có thể lựa chọn một cách linh hoạt. Hoạt động kiểm tra, đánh giá có ý nghĩa lớn trong dạy học bộ môn ở trường phổ thông. Hoạt động này cần được tiến hành một cách thường xuyên, cần kết hợp các hình thức khác nhau.

Mục tiêu học phần

Nội dung học phần giúp học sinh hiểu rõ một số vấn đề tổ chức dạy học lịch sử ở trường phổ thông, từ đó sinh viên có thể vận dụng để thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học phù hợp trong bối cảnh thực tiễn nhà trường. Thông qua học phần, sinh viên cũng hình thành đạo đức, tác phong nhà giáo.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về phương pháp dạy học Lịch sử

CLO.2.2. Thể hiện đạo đức nhà giáo

CLO 4.2. Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

HIS310012. Phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông

Mô tả học phần

Học phần Phát triển chương trình môn Lịch sử là học phần thuộc khối kiến thức về phương pháp dạy học lịch sử của Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử. Học phần giúp người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp của bộ môn lịch sử tại trường phổ thông. Người học xác định được khái niệm, qui trình phát triển môn học ở trường phổ thông. Từ đó, có nhận thức đúng đắn về vai trò của mình trong việc phát triển chương trình môn học ở trường phổ thông; có kế hoạch, phương pháp học tập, vận dụng vào thực tiễn dạy học ở trường PT.

Mục tiêu học phần

Học phần Phát triển chương trình môn Lịch sử giúp người học vận dụng kiến thức phát triển chương trình môn Lịch sử trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục ở trường PT.

Học phần phân tích khái niệm phát triển chương trình môn học; đối sánh chương trình môn Lịch sử hiện hành và chương trình môn Lịch sử 2018; phân tích qui trình phát

triển chương trình môn học gồm các bước: Phân tích tình hình - phân tích nhu cầu môn học; Thiết kế chương trình môn học; Thực hiện chương trình; Đánh giá chương trình môn học... Học phần phát triển kỹ năng làm việc nhóm thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; giúp người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Học phần góp phần giúp người học hoàn thiện phong cách, đạo đức nhà giáo...

Chuẩn đầu ra học phần

CLO 1.3. Vận dụng kiến thức về tổ chức dạy học, phát triển chương trình môn Lịch sử trong xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục môn học ở trường phổ thông

CLO 2.2. Thể hiện đạo đức và phong cách nhà giáo

CLO3.1. Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm

CLO4.1. Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông ; Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Lịch sử

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

HIS310022. Đánh giá trong dạy học lịch sử

Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên nắm vững những kiến thức sau đây: Những vấn đề lí luận chung về hoạt động đánh giá trong dạy học lịch sử. Hoạt động kiểm tra, đánh giá có ý nghĩa lớn trong dạy học bộ môn ở trường phổ thông. Hoạt động này cần được tiến hành một cách thường xuyên, cần kết hợp các hình thức khác nhau. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu rõ cách thức xây dựng các bộ công cụ đánh giá trong dạy học và giáo dục.

Mục tiêu học phần

Nội dung học phần giúp học sinh hiểu rõ một số vấn đề đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, từ đó sinh viên có thể vận dụng để thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học phù hợp trong bối cảnh thực tiễn nhà trường. Thông qua học phần, sinh viên cũng hình thành đạo đức, tác phong nhà giáo.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.2. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về phương pháp dạy học Lịch sử

CLO.2.2. Thể hiện đạo đức nhà giáo

CLO 4.2. Thiết kế bộ công cụ đánh giá; Triển khai thực hiện việc đánh giá trong dạy học lịch sử, Cải tiến việc đánh giá trong dạy học lịch sử.

HIS30016. Thực hành dạy học Lịch sử

Mô tả học phần

Những kiến thức về kỹ năng soạn một bài học lịch sử (nhận thức đúng về một giáo án lịch sử, các bước soạn một bài học cụ thể), kỹ năng lên lớp một giờ học lịch sử (các bước lên lớp, những yêu cầu của một giờ học, thực hiện linh hoạt cấu trúc(tĩnh, động) của bài học lịch sử phù hợp với các loại bài học lịch sử (chủ yếu bài nghiên cứu kiến thức mới và bài

ôn tập, sơ kết, tổng kết. Giáo viên thiết kế một mô hình giờ học nhằm đạt hiệu quả tối ưu. Vấn đề nâng cao chất lượng và hiệu quả của bài học lịch sử cũng được đặc biệt chú ý thông qua việc nắm vững các biện pháp sư phạm cụ thể.

Trên cơ sở những hiểu biết chung về kỹ năng soạn một bài học lịch sử, kỹ năng lên lớp một giờ học lịch sử, để thực hiện tốt bài học, sinh viên cần nghiên cứu kỹ nội dung, chương trình, SGK, đặc điểm tâm lí, trình độ nhận thức của học sinh. Từ đó, tổ chức cho sinh viên vận dụng những kỹ năng trên vào việc giảng dạy các bài học cụ thể trong chương trình môn lịch sử lớp 10, lớp 11, lớp 12.

Mục tiêu học phần

Học phần Thực hành dạy học lịch sử giúp người học vận dụng kiến thức vào việc xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục ở trường PT và thực hiện trong thực tế. Học phần góp phần phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ; giúp người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục. Học phần góp phần giúp người học hoàn thiện phong cách, đạo đức nhà giáo.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO 2.1. Phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ

CLO 2.2. Thể hiện đạo đức và phong cách nhà giáo

CLO3.1. Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm

CLO 4.2. Hình thành ý tưởng giáo dục và phát triển chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông và ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục môn Lịch sử và nghiên cứu khoa học chuyên ngành; Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động giáo dục, dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

HIS31018. Thực tập và đồ án tốt nghiệp (phần Đồ án tốt nghiệp)

Mô tả học phần

Học phần *Đồ án tốt nghiệp* là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử. Học phần giúp người học nắm vững quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học. Người học có khả năng vận dụng các tri thức, phương pháp khoa học vào việc lựa chọn đề tài, thu thập tư liệu, phân tích, xử lý tư liệu để giải quyết vấn đề, viết báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện và hoàn thành đồ án, người học nắm vững những kỹ thuật và quy định liên quan đến hình thức trình bày một công trình nghiên cứu, cách thức trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình khoa học với phần mềm powerpoint. Người học có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, thể hiện ý thức, thái độ khách quan, trung thực và các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu.

Mục tiêu học phần

Học phần *Đồ án tốt nghiệp* nhằm củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu một vấn đề về lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử trong bối cảnh hội nhập. Học phần này hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết và phương pháp đã học để tiến hành thực hiện một nghiên cứu khoa học theo đúng quy trình, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua học phần này, sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học (kỹ năng xác định và hình thành vấn đề nghiên cứu, đặt giả thuyết và câu hỏi

nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thu thập và xử lý tư liệu, viết báo cáo, trình bày và công bố kết quả nghiên cứu), kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và rèn luyện ý thức trách nhiệm và đạo đức của người nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO2.1. Phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo

CLO2.1. Áp dụng kỹ năng sử dụng công nghệ

CLO3.1. Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm

CLO4.2. Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử, Thiết kế kế hoạch nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử, Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử, Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình bao gồm: Khung trình độ quốc gia, các văn bản liên quan quy chế Đào tạo trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Vinh (quyết định số 2018/QĐ-ĐHV, ngày 09 tháng 9 năm 2021 và các hướng dẫn của các phòng, ban liên quan của nhà trường.

2. Trên cơ sở chương trình này, các bộ môn phân công giảng viên biên soạn đề cương chi tiết bài giảng, biên soạn giáo trình học phần. Các bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự logic đã được Hội đồng khoa học khoa thông qua.

3. Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết; đảm bảo tỷ lệ giờ: lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo.

4. Sinh viên căn cứ vào chương trình để có kế hoạch học tập phù hợp.

5. Hàng năm Hội đồng Khoa học- Đào tạo khoa sẽ rà soát để đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh bổ sung, sửa đổi, cập nhật Chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20 %.

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị	Học phần đảm nhiệm
1	Lê Thế Cường	GVC	TS	Chuyên đề 1, 3, tự chọn 4
2	Tôn Nữ Hải Yến	GVC	TS	Lịch sử thế giới hiện đại, LSVMTG
3	Nguyễn Văn Tuấn	GVC	TS	Lịch sử Văn minh thế giới, LSTG cận đại, tự chọn 4, chuyên đề 1,3
4	Hoàng Thị Hải Yến	GVC	TS	Lịch sử thế giới cận đại, LSVMTG, tự chọn 4, chuyên

				đề 1, 3
5	Phan Thị Cẩm Vân	GV	TS	Lịch sử thế giới cổ trung đại, LSVMTG, tự chọn 4, chuyên đề 1,3
6	Hắc Xuân Cảnh	GVC	TS	Phương pháp luận sử học
7	Trần Vũ Tài	GVCC	PGS.TS	Lịch sử Việt Nam hiện đại; chuyên đề 2,4
8	Đậu Đức Anh	GV	TS	Lịch sử Việt Nam hiện đại
9	Dương Thị Thanh Hải	GVC	TS	Lịch sử Việt Nam cận đại, Chuyên đề 2,4, tự chọn 3; Thực tế chuyên môn
10	Mai Thị Thanh Nga	GVC	TS	Lịch sử Việt Nam cận đại, Chuyên đề 2,4, tự chọn 3, chuyên đề 2,4; Thực tế chuyên môn
11	Nguyễn Quang Hồng	GVC	PGS.TS	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, tự chọn 3, chuyên đề 2,4
12	Đặng Như Thương	GVC	TS	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại; tự chọn 3, chuyên đề 2,4
13	Mai Phương Ngọc	GVC	TS	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại; tự chọn 3, chuyên đề 2,4
14	Nguyễn Thị Duyên	GVC	ThS	Lí luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung), Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử; Phát triển chương trình môn Lịch sử
15	Nguyễn Thị Hà	GVC	ThS	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử, Đánh giá trong dạy học lịch sử, thực hành dạy học lịch sử.
16	Nguyễn Hồng Vinh	GVC	TS	Nhân học văn hóa

PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Hiện nay, nhà trường đã có hệ thống các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng hỗ trợ đào tạo phù hợp theo quy định hiện hành, đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH.

Khoa Lịch sử đã có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, Khoa đang sử dụng nhà làm việc tại tầng 2 tòa nhà A0. Phòng làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, mạng wifi, máy tính, máy in, điện thoại, bàn ghế...

Nhà trường có phòng học, giảng đường đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của các ngành, trong đó có ngành SPLS. Tất cả các phòng học tại nhà A, B, D (192 phòng) được lắp đặt hệ thống điều hòa và máy chiếu. Bên cạnh đó, các phòng học cũng được Nhà trường trang bị máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy

móc, phương tiện dạy học trực tuyến.

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm bàn ghế, tủ sách và hệ thống trang thiết bị máy móc như đầu kỹ thuật số, hệ thống chiếu, máy photocopy, máy tính, ti vi, điều hòa, đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học.

Thư viện trường cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học ngành SPLS. Có thư viện điện tử kết nối Internet, phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả. Dựa trên yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, trong thời gian vận hành chương trình đào tạo, Khoa sẽ tiếp tục yêu cầu Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học.

Bên cạnh đó, nhà trường có kí túc xá, các cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao... dùng chung cho sinh viên toàn trường.

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

TT	Mã HP	Tên HP	1.1		1.2			1.3			2.1			2.2		3.1		3.2		4.1		4.2							
			1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.3.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4				
1	EDU21001	Nhập môn ngành sư phạm (Đồ án)						K2				S2			A2	S2		S2							C2	C2	C2	C2	C2
2	POL11001	Triết học Mác-Lênin	K3									S2			A2														
3	GEO20003	Môi trường và phát triển bền vững		K3								S2									C2		C2						
4	HIS30004	Nhân học văn hóa			K4							S2			A2														
5	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới		K3								S2					S2	S2			C2								
6	POL11002	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	K3									S2			A2														
7	ENG10001	Tiếng Anh 1																	S2										
8	EDU21003	Tâm lý học						K3							A2			S2											
9	LIT20001	Cơ sở văn hoá Việt Nam		K3								S2									C2		C2						
10		Tự chọn 1	K3	K4														S2		C2									
11	HIS30001	Lịch sử thế giới cổ trung đại					K4					S2	S2				S2		S2						C2	C2	C2	C2	
12	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3									S2			A2														
13	ENG10001	Tiếng Anh 2																S2	S4										
14	HIS30004	Phương pháp luận sử học			K4							S2					S2		S2						C3	C3	C3	C3	
15	EDU20006	Giáo dục học						K4				S2			A2			S2	S2		C3	C3			C3	C3	C3		
16	HIS30002	Lịch sử Việt Nam cổ -				K4							S3				S3								C3	C3	C3		

		trung đại																								
17		Tự chọn 2												S3		S3										
18	INF21005	Ứng dụng ICT trong giáo dục (Đồ án)								S2		S3	A2		S3		S3			C3	C3	C3	C3	C3		
19	POL11004	Lịch sử Đảng CSVN	K3							S2			A2													
20	HIS30007	Lịch sử thế giới cận đại						K4						S3								C3	C3	C3		
21	HIS31009	Lịch sử Việt Nam cận đại						K4						S3								C3	C3	C3		
22	HIS30019	Thực tế chuyên môn						K4						S3			S3					C3	C3	C3		
23	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K3							S2			A2													
24	HIS30008	Lịch sử thế giới hiện đại						K4						S4								C3	C3	C3		
25	HIS30013	Lịch sử Việt Nam hiện đại						K4						S3	S4			S4	S3	S3			C3	C3	C3	C3
26	HIS30003	Lí luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung)								K3				A3	S4						C3	C3				
27	HIS30006	Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử								K4				A3								C3	C3	C3	C3	
28	HIS30020	Chuyên đề 1: Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản								K4								S3					C4	C4	C4	
29	HIS31010	Chuyên đề 2: Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam								K4							S3						C4	C4	C4	
30	HIS31015	Chuyên đề 3: Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại								K4							S3						C4	C4	C4	

31	HIS310012	Phát triển chương trình môn Lịch sử và thực tế trường phổ thông								K4	S3			A4	A4	S4		S3		C4	C4	C4	C4	C4	C4
32	HIS310011	Tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông								K4			S4		A4								C4	C4	
33		Tự chọn 3: (chọn 1 trong 3 học phần)								K4							S4					C4	C4	C4	
34		Tự chọn 4: (chọn 1 trong 3 học phần)								K4								S3				C4	C4	C4	
35	HIS30021	Chuyên đề 4: Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam								K4							S4					C4	C4	C4	
36	HIS30022	Đánh giá trong dạy học lịch sử								K4					A4								C4	C4	C4
37	HIS30016	Thực hành dạy học lịch sử											S4	A4	A4			S4				C4	C4	C4	C4
38	HIS31018	Thực tập và đồ án tốt nghiệp									S4		S4	A4	A4	S4		S4	S4	C4	C4	C5	C5	C5	C5

Kiến thức (K): K2: Biết/Nhớ; K3: Hiểu; K4: Áp dụng/Phân tích; K5: Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);
Thái độ (A): A2: Tiếp nhận; A3: Hồi đáp/Phản ứng; A4: Chấp nhận giá trị; A5: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);
Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp/Hoàn thiện thứ tự hoạt động; S5: Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới (Ref: Simpson, 1972; Dave, 1975).
Năng lực (C): C2: Tham gia, đóng góp C3: Vận dụng; C4: Phân tích; C4: Đánh giá.